

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

SO SÁNH ĐỐI CHIẾU THÀNH TỐ ĐỨNG TRƯỚC DANH TỪ TRUNG TÂM TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF PRE - MODIFIERS IN THE ENGLISH AND VIETNAMESE NOUN PHRASES

LẠI THỊ PHƯƠNG THẢO
(ThS, Khoa tiếng Anh, ĐHNH, ĐHQGHN)

Abstract

The high frequency in use of long noun phrases in English texts has caused a lot of difficulties for Vietnamese students in proper understanding those texts. The aim of the study is to figure out the semantic and syntactical similarities and differences between pre - modifiers of English noun phrases and those of Vietnamese. Based on the result of the study, the author suggests some solutions to help Vietnamese students get better understanding of pre - modifiers in long English and Vietnamese noun phrases so that they can use them accurately and effectively.

1. Đặt vấn đề

Trong rất nhiều khó khăn sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội gặp phải khi học tiếng Anh, ngữ danh từ dài và phức tạp luôn là một thách thức đối với họ, không chỉ trong giao tiếp bằng tiếng Anh mà cả khi họ đọc các bài khoá trong giáo trình hoặc trong một số tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh. Khó khăn này nếu tồn tại trong một thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên, hay nói cách khác họ sẽ dần dần mất tự tin trong việc dùng tiếng Anh để giao tiếp và từ đó nản chí, hoặc có tâm lí chán học.

Trong phạm vi của nghiên cứu này, tác giả mong muốn sẽ tập trung tìm hiểu khái niệm ngữ danh từ và các đặc điểm về mặt cấu trúc và ngữ nghĩa của các thành tố đứng trước danh từ trung tâm thuộc ngữ danh từ

trong tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó tìm ra sự tương đồng và khác biệt của các thành tố này khi kết hợp với danh từ trung tâm trong hai ngôn ngữ. Các kết luận từ sự so sánh đối chiếu trên, cùng với kết quả khảo sát từ sinh viên, sẽ là cơ sở để các tác giả đưa ra một số gợi ý mang tính giải pháp nhằm giúp sinh viên giảm bớt các khó khăn khi dùng ngữ danh từ tiếng Anh.

Nghiên cứu này được thực hiện theo cách như sau:

- Thu thập, phân tích và so sánh các tài liệu liên quan đến thành tố đứng trước danh từ trung tâm trong tiếng Anh và tiếng Việt.

- Khảo sát khả năng sử dụng các thành tố đứng trước ngữ danh từ trong tiếng Anh thông qua bài kiểm tra. Bài kiểm tra được thiết kế với ba dạng bài tập (dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và sắp xếp các từ cho sẵn thành

một cụm danh từ), phát cho 40 sinh viên đang học trình độ B2 (tương đương trình độ upper-intermediate). Kết quả bài kiểm tra sẽ được phân tích thông qua tần xuất các lỗi xuất hiện trong bài làm, từ đó đưa ra kết luận

về các khó khăn sinh viên gặp phải và đề xuất giải pháp.

2. Khảo sát và gợi ý giải pháp

2.1. Sự giống và khác nhau của các thành tố đứng trước danh từ trung tâm trong tiếng Việt và tiếng Anh

Cấu trúc của các thành tố đứng trước danh từ trung tâm trong cụm danh từ tiếng Anh:

Close-system items			Open-Class items						Head noun
Determiners	Predets.	Post.dets.	Adjs	Participles	Genetives	Nouns	Advs	Sentences	
Từ hạn định	Từ chỉ định	Từ đứng sau danh từ trung tâm	Tính từ	Phân từ	Từ chỉ sở hữu	Danh từ	Trạng từ	Câu	Danh từ trung tâm

Cấu trúc của các thành tố đứng trước danh từ trong cụm danh từ tiếng Việt:

Từ chỉ tổng thể	Từ chỉ lượng	Loại từ	Danh từ
Tất cả	những	cái	bút

Từ việc phân tích trên, nghiên cứu chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau cơ bản giữa các thành tố đứng trước danh từ trung tâm trong tiếng Anh và tiếng Việt như sau:

• Sự giống nhau

- Về cấu trúc, cả hai nhóm thành tố đều có các từ chỉ tổng số (totality) và từ định lượng (quantifier):

Ví dụ: Tất cả những cái ghế

Tổng số từ định lượng danh từ

All the chairs

Tổng số từ định lượng danh từ

- Các từ chỉ số/ số lượng (cardinal numerals) đều có thể đứng trước hoặc sau danh từ

Ví dụ: Room 202 Phòng 202

27 lessons 27 bài

- Khi danh từ trung tâm được bỏ nghĩa bởi một danh từ, trật tự từ thể hiện các nghĩa khác nhau của cụm từ:

Ví dụ: The race horse: con ngựa đua

The horse race: cuộc đua ngựa

- Sự thay đổi về vị trí của tính từ đứng trước danh từ trong cụm từ tiếng Anh và tiếng Việt sẽ dẫn đến nghĩa khác nhau của cụm từ. Điều này cũng đúng với cách sử dụng của đại từ chỉ định.

Ví dụ: The beautiful picture of my sister: bức tranh đẹp của chị gái tôi

The picture of my beautiful sister: bức tranh của chị gái xinh đẹp của tôi

The hat of that girl #

That hat of the girl

Cái mũ của cô gái đó

Cái mũ đó của cô gái

• Sự khác nhau

- Số lượng thành tố đứng trước danh từ trong cụm từ tiếng Anh nhiều hơn trong cụm từ tiếng Việt.

- Về vị trí của các thành tố đứng trước danh từ:

+ Tính từ: trong tiếng Anh thì tính từ bỏ nghĩa cho danh từ phải đứng trước danh từ, trong khi trong tiếng Việt, tính từ đứng sau danh từ.

Ví dụ: The poor families – Những gia đình nghèo

+ Khi có hơn hai tính từ bỏ nghĩa cho danh từ, trong tiếng Anh, các tính từ này phải sắp xếp theo trật tự nhất định, trong khi ở tiếng Việt, trật tự này có thể thay đổi.

Ví dụ: The pretty square new boxes ⇨

Những cái hộp mới, hình vuông, đẹp

Những cái hộp hình vuông, mới, đẹp

Những cái hộp đẹp, hình vuông, mới...

+ Phân từ (Participles – V-ing and V-ed): trong tiếng Anh, phân từ đứng trước danh từ, còn trong cụm từ tiếng Việt, phân từ đứng sau danh từ trung tâm làm thành tố đứng sau

Ví dụ: A broken vase ⇒ Một lọ hoa bi vỡ
A crying boy ⇒ Một cậu bé đang

khóc

+ Danh từ: cũng giống như tính từ và phân từ, danh từ bổ nghĩa cho danh từ trung tâm trong tiếng Anh thường đứng trước danh từ trung tâm, trong khi trong tiếng Việt thì nó đứng sau danh từ trung tâm

Ví dụ: A university lecturer ⇒ Một giảng viên đại học

+ Sở hữu cách: cũng giống như danh từ

Ví dụ: A professor's books ⇒ Những cuốn sách của giáo sư

+ Những thành tố khác: số thứ tự

Ví dụ: The sixth week ⇒ Tuần thứ 6

- Về sự phù hợp về số giữa danh từ trung tâm và tính từ chỉ định. Trong tiếng Anh, nếu danh từ là số nhiều, thì tính từ chỉ định cũng phải là số nhiều. Trong tiếng Việt, chúng ta sử dụng các từ chỉ tổng số hoặc số lượng.

Ví dụ: This pen ⇒ These pens

Cái bút này ⇒ Những cái bút này

- Tiếng Anh sử dụng “a (n)” và “the” để chỉ số ít hoặc số nhiều, tiếng Việt thường dùng “những, cái, một...”. Tuy nhiên, nếu “a(n)/ the” dùng để chỉ một danh từ xác định hoặc không xác định, “những, cái, một...” chỉ ám chỉ số ít, số nhiều mà không mang ý nghĩa xác định hay không xác định

- Liên quan đến các từ phân loại (Classifier), tiếng Việt sử dụng các từ phân loại (loại từ) khác nhau để chỉ định một danh từ là người hay vật, trong khi tiếng Anh thì không có các thành tố này.

Ví dụ: Ngôi nhà ⇒ house

cuốn truyện ⇒ story

Như vậy sự khác nhau trong cách sử dụng các thành tố đứng trước danh từ trong tiếng Anh và tiếng Việt đã gây ra không ít khó khăn cho sinh viên Việt Nam trong việc sử dụng và hiểu đúng các thành tố này. Trong phần tiếp theo, chúng tôi đã tiến hành một khảo sát để tìm ra những khó khăn của sinh

viên đối với việc sử dụng các thành tố đứng trước danh từ

2.2. Kết quả khảo sát

Như đã trình bày ở phần đầu, để khảo sát khả năng sử dụng các thành tố đứng trước danh từ trong tiếng Anh, tác giả đã tiến hành kiểm tra sinh viên thông qua một bài kiểm tra viết. Bài kiểm tra được thiết kế với ba dạng bài tập (dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và sắp xếp các từ cho sẵn thành một cụm danh từ). Kết quả bài kiểm tra được phân tích thông qua tần suất các lỗi xuất hiện trong bài làm, từ đó đưa ra kết luận về các khó khăn sinh viên gặp phải và đề xuất giải pháp.

Kết quả bài kiểm tra

Trong tổng số 40 bài làm của sinh viên, không có sinh viên nào đạt kết quả trên 40%, trong đó hầu hết các câu làm đúng (hoặc gần đúng) thuộc 2 dạng bài dịch từ Anh sang Việt và sắp xếp từ cho sẵn thành cụm từ hoàn chỉnh (câu 6, 8, 10, 11, 13). Cụ thể:

- Với dạng bài tập dịch sang tiếng Anh (các câu từ 1-5): Không có sinh viên nào dịch đúng các cụm từ sang tiếng Anh, 80% dịch theo kiểu ghép từ và không xác định được danh từ gốc, ví dụ với câu: ‘*Vấn đề chính trị tương đối nghiêm trọng của các thành phố lớn*’ hầu hết sinh viên dịch là: ‘*politic issue very serious in big city*’, hay câu ‘*Một nữ y tá già nua được đào tạo bài bản*’ được dịch là: ‘*an old nurse good train*’, ‘*a good train old nurse*’.

- Với dạng bài tập dịch sang tiếng Việt (các câu từ 6-10): 20% sinh viên sắp xếp theo trật tự các từ xuất hiện trong đề bài và tạo thành những cụm danh từ tiếng Việt gần như vô nghĩa như: ‘*all the many nice pictures*’ được dịch là ‘*tất cả nhiều những bức tranh đẹp*’. Tuy nhiên đây là phần mà sinh viên làm tốt nhất trong 3 dạng bài tập đưa ra. Hầu hết các em có thể chuyển dịch

các câu trong đề bài thành các cụm danh từ có nghĩa, một số sinh viên đã biết linh hoạt đổi vị trí của các từ khi dịch sang tiếng Việt để tạo thành một cụm danh từ có nghĩa và thuần Việt: ‘*Their nice new black Spanish leather shoes*’ được dịch là ‘đôi giày da đen còn đẹp và mới được làm từ Tây Ban Nha của họ’.

- Với dạng bài tập sắp xếp từ thành một cụm danh từ: 50% sinh viên có thể sắp xếp đúng các cụm từ ngắn và đơn giản, như ‘*three neat white masks*’. Bên cạnh đó, với dạng bài tập cho sẵn ngữ liệu này, sinh viên có thể xác định được danh từ chính của cụm từ sẽ đứng ở cuối cùng và đứng đầu mỗi cụm từ là mạo từ hoặc từ chỉ số lượng, vì vậy hầu hết các đáp án sinh viên đưa ra xác định chính xác từ đầu tiên và cuối cùng của cụm từ, trong khi đó các yếu tố khác được sắp xếp một cách tùy tiện, không theo một quy tắc nào.

Khó khăn của sinh viên khi sử dụng thành tố đứng trước danh từ trung tâm

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi có thể đi đến kết luận rằng, mặc dù sinh viên đang học trình độ upper-intermediate, việc sắp xếp các thành tố đứng trước danh từ trung tâm hoặc diễn đạt ý cần thông qua một cụm danh từ là một khó khăn lớn đối với hầu hết sinh viên. Những khó khăn đó như sau:

- Nếu để sinh viên tự diễn đạt ý từ tiếng Việt sang tiếng Anh, họ hầu như không xác định đâu là danh từ chính của cụm từ, thậm chí về mặt ngữ nghĩa họ có thể xác định được đâu là danh từ chính nhưng lại không xác định đúng vị trí của danh từ chính đó trong cụm từ, ví dụ như trong câu 12: có tới 17 em sắp xếp là ‘cottage country’ thay vì ‘country cottage’.

- Hầu hết sinh viên chưa có kiến thức về việc sắp xếp các thành tố đi trước danh từ trung tâm, đặc biệt khi các thành tố đó thuộc

cùng một từ loại như tính từ, danh từ, hay lượng từ.

- Hầu hết sinh viên chưa nhận biết được sự khác biệt về mặt cấu trúc của các thành tố đứng trước danh từ trung tâm trong tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó dẫn đến việc tạo ra những cụm danh từ tiếng Anh sai về cấu trúc và ngữ nghĩa. Cụ thể: mạo từ và chuyển sang danh từ số nhiều khi cần thiết thường bị sinh viên bỏ qua khi diễn đạt ý bằng tiếng Anh; sinh viên chưa nhận thức rằng, không giống tiếng Việt, các thành tố đứng trước danh từ trung tâm trong tiếng Anh phải được sắp xếp theo một trật tự nhất định, nếu không sẽ tạo ra những cụm từ sai.

2.3. Giải pháp gợi ý

Từ kết quả bài kiểm tra và nhận diện những khó khăn của sinh viên khi sử dụng những thành tố đứng trước danh từ trung tâm, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, sinh viên cần được trang bị kiến thức tối thiểu về sự khác biệt trong cách hình thành cụm danh từ tiếng Anh và tiếng Việt. Có như vậy, họ mới chú ý đến những lỗi chuyển di ngôn ngữ thường gặp trong quá trình làm bài tập và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sử dụng tiếng Anh; từ đây họ sẽ tránh mắc những lỗi này, đưa đến kết quả sử dụng ngoại ngữ tốt hơn. Việc trang bị những kiến thức này nên được giáo viên khơi gợi và hướng dẫn trước để sinh viên tự tìm hiểu sâu dưới dạng tiểu luận hoặc bài tập nhóm;

Thứ hai, sinh viên cần nắm vững lý thuyết cơ bản về danh từ và ngữ danh từ bằng cách làm thêm các bài tập thuộc dạng này. Tuy nhiên, có một thực tế là bài tập chuyên sâu về mảng này thường ít thấy trong giáo trình chung. Vì vậy, giáo viên có thể giúp sinh viên bằng cách tự thiết kế hoặc sưu tầm các bài tập đồng dạng trong một số sách ngữ pháp để cung cấp thêm cho sinh viên làm như một dạng bài tập thường xuyên;

Thứ ba, riêng điểm yếu về kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, giáo viên cần lưu ý để đẩy mạnh việc dịch đối chiếu ngay trên lớp. Việc này có thể sẽ vấp phải một số khó khăn, ví như khó tìm thời gian cho những hoạt động bổ sung dạng này trong khi vẫn phải đảm bảo chương trình chuẩn. Tuy nhiên, nếu giáo viên kiên trì và chịu khó hơn một chút thì khó khăn này cũng có thể được giải quyết. Cụ thể là, giáo viên có thể hỗ trợ sinh viên bằng cách giới thiệu kỹ về kỹ năng dịch và làm mẫu trong 1-2 tiết. Những buổi học kế tiếp, giáo viên chỉ cần phát bài tập đã được thiết kế trước để sinh viên tự làm. Đáp án sẽ được phát cho sinh viên tự kiểm tra sau khi giáo viên xác định chắc chắn là sinh viên đã hoàn thành bài tập dịch thường xuyên.

3. Lời kết

Như vậy, những khác biệt trong cách hình thành cụm danh từ trong tiếng Anh và tiếng Việt quả đã gây không ít khó khăn cho sinh viên trong quá trình học và sử dụng ngoại ngữ. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi đã tóm lược về mặt lý thuyết những khác biệt cơ bản ấy, đồng thời tiến hành khảo sát thông qua bài kiểm tra nhằm tìm ra các lỗi thường gặp và những khó khăn liên quan đến hiểu và sử dụng cụm danh từ tiếng Anh của sinh viên trình độ B2. Một vài gợi ý để giúp sinh viên tránh và vượt qua những khó khăn này cũng đã được đề xuất. Tuy nhiên, để có thể giải quyết triệt để vấn đề nêu trên, thiết nghĩ, trước hết bản thân người học phải nỗ lực tìm tòi, học hỏi và trau dồi ngoại ngữ của riêng mình. Sau nữa, giáo viên cần tận tâm nhiệt tình hướng dẫn sinh viên vượt qua những rào cản ngôn ngữ ấy để động viên họ nhiều hơn trong quá trình

tự học. Cuối cùng, các nghiên cứu mở rộng và chuyên sâu về chủ đề này nên được khuyến khích thực hiện để có được các giải pháp toàn diện hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Dan Kurland, *Complete reference: The noun phrase*, www.criticalreading.com,
2. Diệp Quang Ban (2000), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2. Nhà xuất bản Giáo dục .
3. Nguyen Thị Vân Lam (2004), *Structure of English noun phrases*, www.tuninst.net/English .
4. Nguyễn Tài Cẩn (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Randolph Quirk, Sidney Greenbaum (1987), *A university grammar of English*. Longman Publishing House .
6. Yule, G (2006), *Oxford practice grammar advanced with answers*. Oxford: Oxford University Press .

(Ban Biên tập nhận bài ngày 03-05-2012)

HỘP THƯ

Trong tháng 10/2012, **NN&ĐS** đã nhận được thư, bài của tác giả: Đỗ Quốc Dũng, Dương Văn Khoa, Trương Thị Thu Hà, Trần Thị Hương (Hà Nội); Cao Thị Hảo (Thái Nguyên); Nguyễn Nhã Bản (Nghệ An); Nguyễn Đình Trương Nguyễn (Huế); Hồ Thị Kiều Oanh (Đà Nẵng); Lưu Hón Vũ (Tp Hồ Chí Minh).

Toà soạn **NN & ĐS** xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS